

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 9 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Quý và ông Trần Thanh Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Chỗ ở hiện nay: Số 31 Đinh Công T, phường Lê L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (chị M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19 tháng 5 năm 2022, Bản tự khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng khi mang thai chị về nhà bố mẹ đẻ ở để sinh con một thời gian rồi trở về nhà anh L, khi sinh

con được 04 tháng thì anh L bỏ đi làm ăn và không nói gì với chị. Sau khi anh L bỏ đi làm ăn được một thời gian thì chị cũng ôm con vào Kon Tum làm thuê để kiếm tiền nuôi con từ năm 2012 cho đến nay. Khi con được 01 tuổi thì anh L có đến thăm con 01 lần, rồi từ đó đến nay không quan tâm gì đến mẹ con chị nữa. Vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh L. Quá trình chung sống chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2012. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: anh và chị M tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do cuộc sống khó khăn nên anh đã đi làm ăn và cũng gửi tiền về cho chị M. Tuy nhiên, đến năm 2012, chị M tự ý ôm con bỏ vào Kon Tum mà không bàn bạc gì với anh. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị M làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2012. Nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn L; căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị M được ly hôn anh L; căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh L phải cấp dưỡng tiền

nuôi con theo quy định của pháp luật; căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, buộc chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị Phan Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn L, như vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị M. Bị đơn anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống chị M, anh L bất đồng về quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân gần 10 năm, không ai quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Phan Thị M ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2012. Nếu ly hôn chị M và anh L đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, điều kiện và khả năng nuôi con của chị M và anh L là như nhau nên nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, con chung là cháu Trà M sống với chị M từ nhỏ đến nay, cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ để ổn định cuộc sống nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81,

Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, giao con chung cho chị Phan Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của chị M về việc yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay anh L đi làm thuê, thu nhập thấp. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị M, anh L trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn, anh L phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn L

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị M, xử cho chị Phan Thị M ly hôn với anh Nguyễn Văn L

3. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 07/6/2012 cho chị Phan Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Trà M mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Phan Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ số tiền tạm ứng

án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003400 ngày 06 tháng 7 năm 2022. Buộc anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng Đoàn Thị Thái

Phan Anh Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hòa Hoàng Công Nghĩa Phan Anh Đức